

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

ĐỀ ÁN QUỐC GIA “ĐƯA TIẾNG ANH THÀNH NGÔN NGỮ THỨ HAI
TRONG TRƯỜNG HỌC GIAI ĐOẠN 2025-2035,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045”

DỰ THẢO (ngày 05/5/2025)

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ ÁN

1. Căn cứ chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Nghị quyết số 44/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hội nhập quốc tế”;

- Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo đến năm 2030”;

- Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Công văn số 714/VPCP-KGVX ngày 25 tháng 01 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng Đề án quốc gia từng bước đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

2. Sự cần thiết của Đề án

Năng lực sử dụng tiếng Anh ngày càng được nhiều quốc gia xem như một kỹ năng mềm trong xã hội hiện đại, là chìa khóa để mở cửa tri thức, phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế sâu rộng. Nhiều nước đã đưa tiếng Anh vào chiến lược phát triển quốc gia như Tây Ban Nha, Phillipines, Đài Loan, Malaysia, v.v... Nhận thức được ý nghĩa của tiếng Anh đối với phát triển đất nước, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 về việc phê duyệt Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020 và Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2017 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025. Mục tiêu là triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu như: ban hành và triển khai chương trình, tài liệu dạy và học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế và phù hợp với đặc thù của Việt Nam; đổi mới kiểm tra, đánh giá trong dạy và học ngoại ngữ theo hướng tiếp cận chuẩn quốc tế, tăng cường năng lực khảo thí ngoại ngữ của quốc gia; phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ đủ về số lượng và bảo đảm chất lượng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường điều kiện dạy và học ngoại ngữ; đẩy mạnh công tác truyền thông, hợp tác quốc tế, xây dựng môi trường dạy và học ngoại ngữ; nghiên cứu đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách, quy định liên quan đến việc dạy và học ngoại ngữ; đẩy mạnh xã hội hóa trong dạy và học ngoại ngữ. Sau hơn 15 triển khai Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, kết quả thu được rất đáng khích lệ. Cụ thể:

a) Đối với giáo dục mầm non: Các địa phương triển khai Chương trình cho trẻ mầm non làm quen với tiếng Anh ngày càng tăng với nhu cầu lớn. Đến năm 2024, có 62/63 địa phương triển khai, trên cả nước có 30% trẻ mầm non (trên 1,2 triệu trẻ) được học chương trình (tăng 300%). Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã ban hành Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 về Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo, Công văn số 2387/BGDĐT-GDMN ngày 9/6/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình giáo dục mầm non sau sửa đổi, bổ sung và Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo. Những văn bản này là căn cứ và cơ sở để việc triển khai cho trẻ mầm non làm quen ngoại ngữ được thống nhất trên cả nước ở những nơi có nhu cầu và đủ điều kiện thực hiện.

b) Đối với các cấp học phổ thông, Bộ GDĐT đã hoàn thành việc xây dựng, ban hành chương trình các môn ngoại ngữ theo Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018, gồm các chương trình: Chương trình môn tiếng Anh lớp 1 và lớp 2 (môn học tự chọn); Chương trình môn tiếng Anh ngoại ngữ 1; Bộ GDĐT đã tiến hành thẩm định và phê duyệt các bộ sách giáo khoa xây dựng từ nguồn xã hội hóa để sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông: 10 bộ sách giáo khoa môn tiếng Anh từ lớp 1 đến lớp 5 và 08 bộ sách giáo khoa môn tiếng Anh từ lớp 6 đến lớp 12. Đến nay, 99,8% học sinh phổ thông đã học tiếng Anh bắt buộc từ lớp 3 theo Chương trình giáo dục phổ thông (có 0,2 học sinh chọn học những môn ngoại ngữ khác ngoài tiếng Anh).

c) Đối với giáo dục đại học: Đến nay, đa số các cơ sở giáo dục đào tạo đã xác định lộ trình áp dụng chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Khung NLNN 6 bậc). Theo đó, các chương trình đào tạo bậc đại học yêu cầu người học đạt bậc 3 khi tốt nghiệp các ngành không chuyên ngoại ngữ và bậc 5 (Khung NLNN 6 bậc) đối với sinh viên tốt nghiệp các ngành chuyên ngoại ngữ. Với một số chương trình đào tạo tiên tiến và chương trình đào tạo liên kết, đầu ra ngoại ngữ của sinh viên yêu cầu bậc 4 (Khung NLNN 6 bậc). Một số đại học và trường đại học đã áp dụng chuẩn đầu ra như trên cho tất cả các ngành như Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Vinh, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Đà Lạt, v.v... Trên 90% các đại học và trường đại học có đào tạo sư phạm ngoại ngữ¹ đã công bố và hiện đang áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ đối với sinh viên ra trường của các ngành này (bậc 5 theo Khung NLNN 6 bậc).

Trên 90% các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ GDĐT đã rà soát, chuyển đổi chương trình đào tạo theo định hướng phát triển năng lực, lấy người học làm trung tâm; đổi mới phương pháp giảng dạy theo định hướng tăng cường giao tiếp, tương tác; áp dụng đánh giá năng lực đầu vào và đầu ra theo hướng dẫn của Bộ GDĐT². Các đơn vị này đã điều chỉnh hoặc xây dựng, mở mới 30 chương trình đào tạo khối ngành chuyên ngoại ngữ, 25 chương trình đào tạo khối ngành không chuyên (trong đó có 09 chương trình đào tạo bằng tiếng Anh). Đối với các chương trình đào tạo hiện có, các đơn vị đã rà soát, điều chỉnh hoặc xây dựng chương trình ngoại ngữ tăng cường cho sinh viên chưa đủ năng lực ngoại ngữ đầu vào, chương trình môn ngoại ngữ cho bậc đào tạo cao đẳng và đại học, chương trình môn ngoại ngữ cho bậc đào tạo thạc sĩ, các khóa học trên hệ thống đào tạo trực tuyến của nhà trường.

d) Đối với giáo dục nghề nghiệp: Đề án giai đoạn 2017-2025 đối với giáo dục nghề nghiệp và kế hoạch triển khai hàng năm cho khối giáo dục nghề nghiệp đã chuẩn bị các điều kiện triển khai chương trình ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra và ngành, nghề đào tạo (ban hành lộ trình thực hiện chuẩn đầu ra các chương trình ngoại ngữ theo ngành, nghề đào tạo; xây dựng, hoàn thiện các chương trình ngoại ngữ; tổ chức bồi dưỡng giáo viên, giảng viên ngoại ngữ và giáo viên, giảng viên dạy nghề, dạy các môn học khác bằng ngoại ngữ; v.v.). Đã xây dựng được 300 khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp ở trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho 300 ngành, nghề, trong đó, mỗi ngành, nghề đều quy định chuẩn trình độ ngoại ngữ cho người học (bậc 1/6 đối với trình độ trung cấp, bậc 2/6 đối với trình độ cao đẳng theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; xây dựng 12 chương trình tiếng Anh chuyên ngành bậc 3 và bậc 4 cho các ngành nghề trọng điểm; xây dựng chương trình đào tạo trực tuyến cho môn học tiếng Anh áp dụng tại các đơn vị đào tạo trực thuộc.

¹ 24 trường đại học có đào tạo sư phạm ngoại ngữ: Trường ĐHSP-ĐH Thái Nguyên, Trường ĐH Thái Nguyên - ĐHTN, Trường ĐHNH-ĐH Huế, Trường ĐHNH-ĐH Đà Nẵng, Trường ĐHNH-ĐHQG Hà Nội, Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐHSP Hà Nội 2, Trường ĐH Tây Bắc, Trường ĐH Vinh, Trường ĐH Đà Lạt, Trường ĐH Quy Nhơn, Trường ĐH Tây Nguyên, Trường ĐHSP TPHCM, Trường ĐHSPTK TPHCM, Trường ĐH Đồng Tháp, Trường ĐH Cần Thơ, Trường ĐH Hải Phòng, Trường ĐH Hùng Vương, Trường ĐH Hồng Đức, Trường ĐH Hà Tĩnh, Trường ĐH Phạm Văn Đồng, Trường ĐH Đồng Nai, Trường ĐH Sài Gòn, Trường ĐH Bạc Liêu, Trường ĐH An Giang).

² Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; xây dựng, thẩm định và ban hành chuẩn chương trình đào tạo cho các lĩnh vực và ngành đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

e) Đối với giáo dục thường xuyên: Bộ GDĐT đã xây dựng một số chương trình dạy và học ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu xã hội và trong giáo dục thường xuyên (Chương trình tiếng Nhật thực hành; Chương trình tiếng Anh thực hành, Chương trình tiếng Trung thực hành, Chương trình tiếng Hàn thực hành theo Khung NLNN 6 bậc)³. Hàng năm, Bộ GDĐT đã hướng dẫn các đơn vị chủ động tổ chức chương trình bồi dưỡng NLNN cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức (không bao gồm đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ). Bộ GDĐT đã xây dựng và thẩm định chương trình và tài liệu trực tuyến bồi dưỡng NLNN bậc 1, 2, 3, 4 cho cán bộ, công chức, viên chức. Bên cạnh đó, Bộ GDĐT đã nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, đề xuất giải pháp quản lý chất lượng các trung tâm ngoại ngữ, xây dựng và hoàn thiện Bộ tiêu chí kiểm định chất lượng các trung tâm ngoại ngữ.

g) Đối với dạy và học bằng tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục và đào tạo: Tháng 5/2024, Bộ GDĐT đã thực hiện rà soát, lấy ý kiến của các địa phương và các cơ sở giáo dục đại học (CSGDĐH) về việc thực hiện Quyết định 72/2014/QĐ-TTg tại Công văn số 1097/BGDĐT-HTQT ngày 13/3/2024. Kết quả báo cáo rà soát từ 43/63 Sở GDĐT và 77/241 CSGDĐH cụ thể như sau:

- Kết quả thực hiện: 9/43 địa phương thực hiện dạy học và bằng tiếng nước ngoài⁴, chủ yếu là dạy thí điểm một số tiết học bằng tiếng Anh ở một số môn khoa học tự nhiên như Toán, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học. Việc dạy và học và bằng tiếng Anh được thực hiện tại nhiều trường phổ thông (chủ yếu là các trường chuyên, trường tư thục). Việc kiểm tra đánh giá các môn học chưa được thực hiện bằng tiếng nước ngoài. Địa phương có nhiều trường phổ thông thực hiện nhất là Thành phố Hồ Chí Minh (theo Đề án 5695 của thành phố), Hà Nội, Huế, Hải Phòng, Bắc Giang... Các địa phương khác chủ yếu thực hiện ở các trường chuyên.

- Hạn chế, khó khăn:

+ Năng lực đội ngũ giáo viên, giảng viên dạy tiếng Anh và giảng dạy các môn học khác bằng tiếng Anh còn cần tiếp tục được bổ sung cả về số lượng và chất lượng (trên cả nước hiện còn thiếu khoảng 4.000 giáo viên tiếng Anh cho giáo dục phổ thông, còn hơn 10% giáo viên tiếng Anh chưa đạt năng lực tiếng Anh bậc 4 và bậc 5).

+ Đội ngũ giáo viên dạy các môn học khác có năng lực tiếng Anh thấp (bậc 3 và thấp hơn) nên đa số giáo viên chưa triển khai được việc dạy các môn học khác bằng tiếng Anh.

+ Điều kiện vật chất, trang thiết bị đáp ứng việc ứng dụng công nghệ tiên tiến, trí tuệ nhân tạo vào dạy học tiếng Anh, đặc biệt ở các vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn, còn nghèo nàn, chưa đáp ứng được việc triển khai áp dụng trên diện rộng.

+ Năng lực tiếng Anh, nhu cầu, động lực học tiếng Anh của học sinh khu vực nông thôn, khó khăn và đặc biệt khó khăn còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu đầu ra.

+ Việc dạy học tiếng Anh ở Việt Nam hiện nay đang được triển khai như một ngoại ngữ, nên kết quả nhìn chung còn khiêm tốn. Theo một báo cáo của Hội đồng Anh năm

³ Thông tư 34/2018/TT-BGDĐT ngày 28/12/2018 Quy định Chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Nhật thực hành; Thông tư 28/2021/TT-BGDĐT ngày 20/10/2021 về việc ban hành Chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành.; Chương trình tiếng Trung thực hành và Chương trình tiếng Hàn thực hành đã được thẩm định trong năm 2024.

⁴ Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Giang, Yên Bái, Kiên Giang, Long An, Hà Nam, Hải Phòng, Huế.

2020, chỉ số năng lực tiếng Anh của học sinh, sinh viên Việt Nam chỉ đạt 473/1,000 điểm (xếp hạng Thấp) so với các nước trên thế giới và trong khu vực ASEAN.

Từ những khó khăn trên, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 91-KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hội nhập quốc tế”. Đây là cơ sở pháp lý và thực tiễn vững chắc cho việc xây dựng Đề án.

3. Bối cảnh quốc tế và trong nước

3.1. Bối cảnh quốc tế

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số phát triển nhanh chóng tạo ra những điều kiện thuận lợi để đổi mới cơ bản nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, đổi mới quản lý giáo dục; mô hình, phương pháp tiếp cận giáo dục mới trên phạm vi toàn cầu thúc đẩy phát triển hệ sinh thái giáo dục trên toàn thế giới, hướng tới phát triển khả năng tự học, tự phát triển liên tục, suốt đời và khởi nghiệp tự thân.

Quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế của nước ta ngày càng sâu rộng và hiệu quả; vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Hòa bình và hợp tác phát triển là xu thế chủ đạo của thế giới trong những năm qua, mở ra nhiều cơ hội hợp tác song phương và đa phương đối với Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực, trong đó có giáo dục và đào tạo. Kinh tế tri thức và cách mạng khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin - truyền thông, ứng dụng trí tuệ nhân tạo diễn ra mạnh mẽ trên thế giới đã tạo ra nhiều cơ hội và thuận lợi cho quá trình hợp tác, tiếp thu những thành tựu, giá trị tiến bộ, nhân văn về giáo dục và đào tạo của các nước phát triển, nhất là trong đổi mới phương thức giáo dục.

3.2. Bối cảnh trong nước

Ở trong nước, công cuộc đổi mới, mở cửa và hội nhập quốc tế do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, trong đó chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được giữ vững; tiềm lực, quy mô và sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, là tiền đề quan trọng và điều kiện thuận lợi để thực hiện đổi mới và phát triển giáo dục, đào tạo.

Mặt khác chúng ta đang phát triển đất nước trên cơ sở nền kinh tế thị trường nhu cầu hội nhập kinh tế thế giới rất cao, rất cần nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động được đào tạo để tham gia thị trường lao động trong nước và quốc tế, do vậy trang bị ngoại

ngữ cho lực lượng lao động này là yêu cầu bắt buộc.

Truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo, quý trọng hiền tài của dân tộc ta và sự quan tâm đặc biệt của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội đối với sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo, là nền tảng và động lực to lớn trong triển khai thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW. Qua từng giai đoạn, nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền về vị trí, vai trò của giáo dục, đào tạo và công tác đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo ngày càng sâu sắc, toàn diện hơn. Hệ thống thể chế, chính sách về giáo dục và đào tạo không ngừng được bổ sung, hoàn thiện, bám sát định hướng của Đảng, phù hợp với thực tiễn. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục các cấp luôn tâm huyết, trách nhiệm, có tinh thần đổi mới sáng tạo, khát khao cống hiến cho sự nghiệp “trồng người”; là thuận lợi cơ bản để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo.

Hệ thống giáo dục của nước ta hiện nay tương đối đầy đủ, chặt chẽ, đa dạng cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của người dân. Chất lượng giáo dục phổ thông từng bước được nâng lên, giáo dục mũi nhọn là điểm sáng. giáo dục đại học đã và đang cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển đất nước, giáo dục nghề nghiệp được củng cố từ đó đào tạo tay nghề cho người lao động sẵn sàng tham gia thị trường lao động trong nước và quốc tế, giáo dục thường xuyên đã cung cấp chương trình học tập đa dạng phục vụ việc học tập suốt đời theo phương châm cần gì học nấy. Đặc biệt Chương trình phổ thông 2018 được triển khai từ năm 2021 đến nay đã thực hiện đầy đủ từ lớp 1 đến lớp 12, trong đó có chương trình môn học tiếng Anh bước đầu được đánh giá có nhiều điểm tiến bộ phù hợp với xu hướng giáo dục thế giới. Chất lượng dạy và học tiếng Anh đã nâng lên một bước đáng kể so với trước đây.

Năng lực sử dụng ngoại ngữ của học sinh, sinh viên ngày càng được cải thiện rõ rệt. Nhiều sân chơi, các câu lạc bộ tiếng Anh, hoạt động ngoại khóa tiếng Anh cho học sinh, sinh viên được tổ chức, góp phần giúp học sinh thực hành kỹ năng nghe, nói, đọc, viết⁵. Đội ngũ giáo viên, giảng viên ngoại ngữ luôn được quan tâm bồi dưỡng thường xuyên về năng lực ngoại ngữ và năng lực sư phạm⁶, cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới. Đến nay, tỷ lệ giáo

⁵ Tại Lâm Đồng, phát triển môi trường học và sử dụng ngoại ngữ trong trường học như: Ngày hội nói tiếng Anh; cuộc thi Giới thiệu văn hóa các nước nói tiếng Anh; Tập làm phóng viên, Không gian Anh ngữ trong khuôn viên trường; Câu lạc bộ tiếng Anh; Cuộc thi Hùng biện tiếng Anh, tổ chức cuộc thi tiếng Anh “*English in Life*” dưới dạng hội trại. Tại Kon Tum, tổ chức cuộc thi hùng biện, ngoại khóa, cuộc thi Olympic tiếng Anh các cấp, cuộc thi “Tài năng tiếng Anh”. Tại Hòa Bình, tổ chức các cuộc thi Tài năng tiếng Anh, thi hát tiếng Anh.

⁶ Như: tại Thanh Hóa: Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Vinh và Đại học Hồng Đức tổ chức các khóa tập huấn dành cho giáo viên Tiếng Anh cấp tiểu học, THCS và THPT về triển khai việc tiếp cận đề thi và thực hiện công tác khảo sát, đánh giá năng lực sử dụng Tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc; định kỳ tổ chức khảo sát năng lực sử dụng Tiếng Anh bậc 1, 2, 3 đối với học sinh cuối cấp. Tại Nam Định: từ năm 2016, Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Hội đồng Anh để bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, nâng cao năng lực dạy học cho giáo viên Tiếng Anh từ cấp tiểu học đến THPT. Tại Hòa Bình: phối hợp Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức các khóa tập huấn dành cho giáo viên tiếng Anh cấp tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông về Khung năng lực ngoại ngữ, tiếp cận đề thi và thực hiện công tác khảo sát đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh tương đương bậc 1,2,3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam;...

viên tiếng Anh các cấp học phổ thông đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ để triển khai chương trình ngoại ngữ mới đạt 84%⁷ (tăng 20,8% so với năm học 2013 - 2014); *tỷ lệ giảng viên tiếng Anh đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ bậc 5 trở lên đạt 98,6%* (tăng 7,6% so với năm học 2023-2024⁸; tỷ lệ giảng viên dạy chuyên ngành bằng ngoại ngữ đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ từ bậc 4 trở lên đạt 96,7%⁹.

4. Kinh nghiệm quốc tế

Một số nước cũng đã triển khai chính sách quốc gia về tiếng Anh. Sau đây là một số kinh nghiệm mà Việt Nam cần nghiên cứu, xem xét khi triển khai Đề án này.

4.1. Chính sách song ngữ quốc gia của Chính phủ Đài Loan

Chính sách Quốc gia Song ngữ của Đài Loan, được bắt đầu từ năm 2018, với mục đích nâng cao năng lực tiếng Anh trong toàn hệ thống giáo dục và các cơ quan quản lý nhà nước để tăng cường khả năng cạnh tranh toàn cầu. Chính sách nhấn mạnh việc giảng dạy bằng tiếng Anh (EME) tại các trường học và đại học, với kế hoạch triển khai theo từng giai đoạn hướng tới các mốc quan trọng vào năm 2024 và 2030. Động lực thúc đẩy song ngữ của Đài Loan là nhu cầu hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu, thu hút các tập đoàn đa quốc gia và chuẩn bị cho học sinh, sinh viên nắm bắt cơ hội phát triển sự nghiệp quốc tế.

- Mục tiêu: Đài Loan áp dụng chính sách song ngữ trong giáo dục hướng tới nâng cao trình độ tiếng Anh chung trong toàn hệ thống giáo dục, đào tạo những học sinh ưu tú trong các lĩnh vực chuyên môn quan trọng thông qua đào tạo tiếng Anh chuyên ngành. Các chiến lược chính bao gồm:

+ Lớp học thí điểm song ngữ: Tăng cường các chương trình tiếng Anh tại các trường chọn lọc với ngân sách 2 tỷ Đài tệ (65,69 triệu USD) dành cho các trường đại học và cao đẳng (ước tính khoảng 50 cơ sở).

+ Giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh: Các lớp học tiếng Anh được giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh nhằm tối đa hóa sự tiếp xúc với ngôn ngữ. Trong số 3392 trường tiểu học và trung học công lập ở Đài Loan, gần một phần ba trường đã triển khai giáo dục song ngữ trong một số lĩnh vực hoặc môn học.

+ Nền tảng “Cool English”: Công cụ trực tuyến cung cấp tài nguyên học tiếng Anh tương tác.

+ Chính phủ Đài Loan đã phân bổ tổng cộng 361 triệu USD cho giai đoạn 2021 đến 2024 nhằm thực hiện kế hoạch “Song ngữ quốc gia 2030”. Các lĩnh vực trọng tâm của ngân sách này là giáo dục từ cấp K-12 (234,26 triệu USD) và giáo dục đại học (90,1 triệu USD).

- Kết quả:

- + Cải thiện năng lực tiếng Anh rộng rãi;
- + Thu hẹp khoảng cách vùng miền giữa thành thị và nông thôn;
- + Phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong thực tiễn;
- + Nâng cao năng lực giáo viên dạy tiếng Anh và dạy bằng tiếng Anh;

⁷ Trong đó, cấp tiểu học: 84%, cấp THCS: 87%, cấp THPT: 77%.

⁸ Thống kê từ 37/37 Trường Đại học, cao đẳng trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

⁹ Thống kê từ 34/37 Trường Đại học, cao đẳng trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- + Hỗ trợ giáo dục đại học đạt tiêu chuẩn quốc tế;
- + Thúc đẩy song ngữ trong lực lượng lao động và cơ quan quản lý nhà nước
- Hạn chế:
 - Nguy cơ làm gia tăng bất bình đẳng giữa các cơ sở giáo dục đại học và học sinh có nền văn hóa, ngôn ngữ thuộc về dân tộc thiểu số;
 - Giáo viên thực hiện giáo dục song ngữ gặp nhiều khó khăn trong thực tiễn.
 - Chính sách chủ yếu tập trung vào tiếng Anh cho mục tiêu quốc tế hóa và cạnh tranh kinh tế toàn cầu, chưa xem xét mối tương quan với các ngôn ngữ chính thức khác của Đài Loan và tác động đến nhận thức về bản sắc văn hóa dân tộc các vùng miền.

4.2. Chính sách giáo dục song ngữ tại Philippines

Chính sách giáo dục song ngữ tại Philippines được quy định trong Điều 7, Điều XIV của Hiến pháp Philippines năm 1987, trong đó khẳng định rằng tiếng Filipino và tiếng Anh là hai ngôn ngữ chính thức của quốc gia. Để thực hiện mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ cho công dân, Chính phủ Philippines đã triển khai các chính sách giáo dục trọng tâm, bao gồm Chính sách Giáo dục Song ngữ (Bilingual Education Policy - BEP, 1987) và Sắc lệnh Hành pháp số 210 (2003), nhằm tăng cường việc sử dụng tiếng Anh trong hệ thống giáo dục quốc gia.

- Mục tiêu chính:
 - + Tăng cường năng lực sử dụng tiếng Anh trong hệ thống giáo dục Philippines, đáp ứng yêu cầu hội nhập toàn cầu.
 - + Nâng cao khả năng cạnh tranh quốc gia thông qua việc cải thiện năng lực ngôn ngữ của học sinh và sinh viên, qua đó phát triển lực lượng lao động có trình độ cao.
- Các quy định cụ thể:
 - Giáo dục Tiểu học:
 - Tiếng Anh được dạy như ngôn ngữ thứ hai từ lớp 1.
 - Từ lớp 3, tiếng Anh trở thành ngôn ngữ giảng dạy chính cho các môn Tiếng Anh, Toán và Khoa học.
 - Giáo dục Trung học:
 - Tiếng Anh là ngôn ngữ chính trong giảng dạy tại tất cả các trường công lập và tư thục.
 - Ít nhất 70% thời gian giảng dạy ở cấp trung học phải sử dụng tiếng Anh.
 - Giáo dục Đại học:
 - Các cơ sở giáo dục đại học được khuyến khích sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ giảng dạy chính, đặc biệt là trong các chương trình đào tạo chuyên ngành.
 - CHED (Ủy ban Giáo dục Đại học) có trách nhiệm thúc đẩy việc sử dụng tiếng Anh tại các trường đại học.
 - Nâng cao năng lực giáo viên:
 - Bộ Giáo dục (DepEd), CHED và TESDA (Cơ quan Phát triển Kỹ năng và Giáo dục Kỹ thuật) có trách nhiệm đánh giá năng lực tiếng Anh của giáo viên.

- Các chương trình đào tạo quốc gia sẽ được triển khai để nâng cao chất lượng giảng dạy và năng lực ngôn ngữ của giáo viên.
- Hỗ trợ và Đánh giá:
 - Phát triển các công cụ đánh giá để giám sát tiến trình học tập của học sinh và giảng dạy của giáo viên.
 - Đảm bảo việc cung cấp đủ tài liệu học tập và cơ sở vật chất hỗ trợ việc giảng dạy tiếng Anh.
- Sử dụng tiếng Filipino:
 - Tiếng Filipino tiếp tục được sử dụng trong các môn học như Filipino và Araling Panlipunan, nhằm duy trì và phát triển ngôn ngữ mẹ đẻ, đồng thời tạo sự cân bằng giữa hai ngôn ngữ chính thức của quốc gia.

- Kết quả: Chính sách giáo dục song ngữ là các bước đi quan trọng trong việc nâng cao năng lực ngôn ngữ của người dân Philippines. Các chỉ số chất lượng và công cụ đánh giá đi kèm với chính sách này không chỉ giúp giám sát tiến trình thực hiện mà còn đảm bảo tính bền vững và hiệu quả trong việc phát triển năng lực tiếng Anh cho học sinh và giáo viên. Nâng cao năng lực tiếng Anh của học sinh và tăng cường khả năng cạnh tranh của Philippines là mục tiêu quan trọng quốc gia này hướng đến.

4.3. Một số bài học từ kinh nghiệm quốc tế

Từ kinh nghiệm của Đài Loan và Philippines cho thấy cần quan tâm giải quyết các vấn đề sau khi xây dựng và triển khai Đề án:

- Cần có chương trình truyền thông quốc gia, thường xuyên, phù hợp với từng nhóm đối tượng khi triển khai thực hiện Đề án.
- Cần có khảo sát, nghiên cứu, đánh giá năng lực tiếng Anh hiện tại của giáo viên và học sinh để đầu tư đúng trọng tâm, điều chỉnh mục tiêu phù hợp và đào tạo giáo viên sát nhu cầu.
- Cần xây dựng đề án phát triển chuyên môn, cấp chứng chỉ cho giáo viên (các môn học triển khai bằng tiếng Anh) về năng lực tiếng Anh và năng lực sư phạm; nâng cao nhận thức về lợi ích trở thành giáo viên song ngữ để tạo động lực cho giáo viên cải thiện trình độ.
- Cần có các chỉ số chất lượng để đảm bảo hiệu quả lâu dài.
- Đảm bảo hoạt động đánh giá 4 kỹ năng tiếng Anh đạt chất lượng và có kiểm định, có sự tham gia của các tổ chức đánh giá.
- Sự tham gia của tất cả thành phần trong xã hội (xã hội hóa) để giúp trường học, giáo viên và học sinh tham gia một cách đầy đủ, tránh chậm trễ trong thực thi chính sách và đảm bảo sự hỗ trợ bền vững, lâu dài.
- Tăng cường giám sát, đánh giá và nghiên cứu tác động của chính sách.
- Khuyến khích thi đua, khen thưởng dựa trên nỗ lực tiến bộ của từng tập thể, cá nhân.

5. Cơ hội, thách thức của Việt Nam khi triển khai Đề án

5.1. Cơ hội:

- Đề án thể hiện quyết tâm chính trị cao của Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các cơ quan quản lý giáo dục; sự đồng thuận của xã hội về chủ trương từng bước đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

- Hội nhập quốc tế sâu rộng của Việt Nam đòi hỏi nguồn nhân lực biết tiếng Anh để phục vụ hội nhập và nâng cao vị thế quốc tế của đất nước. Đề án ra đời đáp ứng được nhu cầu của nguồn nhân lực biết sử dụng tiếng Anh.

- Nhu cầu học tập tiếng Anh ngày càng cao của học sinh, sinh viên.

- Kết quả của Đề án Ngoại ngữ quốc gia có tác động lớn đến giáo dục, phong trào học tiếng Anh, sử dụng tiếng Anh ngày càng lan tỏa sâu rộng.

- Đề án tạo nền tảng chiến lược cho phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu rộng với quốc tế; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

5.2. Thách thức

- Thách thức lớn nhất là về giáo viên, cụ thể là cả về số lượng và chất lượng đội ngũ giáo viên tiếng Anh và giáo viên dạy các môn học bằng tiếng Anh. Sự thiếu hụt đội ngũ giáo viên có đủ năng lực tiếng Anh và sư phạm – đặc biệt ở cấp học mầm non, tiểu học và các trường ở vùng ngoài đô thị.

- Chênh lệch vùng miền rất lớn về hạ tầng, công nghệ, khả năng xã hội hóa, chất lượng quản lý nên cần cơ chế chính sách hỗ trợ cho vùng miền khó khăn để đạt được mục tiêu của Đề án đối với vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

- Cần có cơ chế rõ ràng về phân bổ nguồn lực và giám sát thực hiện ở các địa phương, tránh phô trương hình thức, lãng phí nhưng đầu tư kém hiệu quả khi thực hiện Đề án.

II. QUAN ĐIỂM

1. Tiếng Anh là ngôn ngữ quốc tế, là công cụ để giao tiếp và hội nhập toàn cầu. Hiểu biết và sử dụng tiếng Anh thành thạo giúp học sinh, sinh viên tiếp cận kiến thức, thông tin phong phú, đa dạng, nâng cao phẩm chất, năng lực để trở thành công dân toàn cầu. Vì vậy, cần quán triệt, thực hiện nghiêm túc, hiệu quả chủ trương của Đảng, Nhà nước về việc đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, tạo tiền đề chiến lược cho phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu rộng nền kinh tế tri thức và giao lưu quốc tế.

2. Tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học ở Việt Nam được hiểu là khi tiếng Anh được sử dụng một cách thường xuyên và có hệ thống trong môi trường giáo dục – bao gồm dạy học, giáo dục, nghiên cứu, quản lý và giao tiếp – nhằm đạt mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ theo chuẩn quốc tế và phục vụ các yêu cầu hội nhập quốc tế của Việt Nam.

Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học là quá trình triển khai có định hướng, lộ trình, thực hiện theo từng giai đoạn phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội

nhằm xây dựng hệ sinh thái ngôn ngữ trong nhà trường, nơi tiếng Anh được sử dụng song song với tiếng Việt – hoặc độc lập trong từng bối cảnh phù hợp – để thực hiện các hoạt động trong môi trường giáo dục.

3. Triển khai tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học phù hợp thực tiễn với phương châm: phát huy các điều kiện, nguồn lực hiện có, nơi thuận lợi làm trước, làm từng phần, từng bước, từng đối tượng, tạo sự lan tỏa trong xã hội; đẩy mạnh xã hội hoá, hợp tác công tư trong giáo dục; phối hợp hiệu quả mối quan hệ gia đình - nhà trường - xã hội; đầu tư nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên tiếng Anh, giáo viên dạy học bằng tiếng Anh, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cho các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn.

4. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá trong các cấp học, ngành học và trình độ đào tạo bám sát tính liên tục, liên thông, công nhận chất lượng lẫn nhau dựa trên chuẩn đầu ra; tăng cường dạy học tiếng Anh sớm bắt đầu từ giáo dục mầm non; đẩy mạnh đào tạo đội ngũ giáo viên dạy tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh; tăng cường bồi dưỡng đội ngũ giáo viên dạy học bằng tiếng Anh cho các cấp học, ngành học và trình độ đào tạo.

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, trí tuệ nhân tạo (AI); phát triển nguồn tài liệu học liệu dạy và học các môn học khác bằng tiếng Anh; xây dựng hệ thống học liệu điện tử phù hợp mọi đối tượng để người học có thể học tiếng Anh, dạy và học bằng tiếng Anh một cách linh hoạt trên nhiều nền tảng khác nhau; tạo môi trường dạy - học và sử dụng tiếng Anh thường xuyên, liên tục trong nhà trường, gia đình và xã hội để giáo viên, giảng viên, người học (học sinh, sinh viên...) và thành viên gia đình cùng học tiếng Anh.

III. LỘ TRÌNH, CÁC TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN

1. Lộ trình đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học ở Việt Nam bao gồm ba bước như sau:

- **Bước 1: Xây dựng nền tảng và chuẩn hóa** – Bảo đảm nền tảng vững chắc để tiếng Anh được sử dụng thường xuyên và có hệ thống trong môi trường giáo dục, tạo nhu cầu giao tiếp và thói quen sử dụng tiếng Anh trong trường học.

- **Bước 2: Mở rộng và tăng cường** – Đẩy mạnh việc sử dụng tiếng Anh một cách thường xuyên hơn, mở rộng các hoạt động dạy học, giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng, phong phú trong hệ thống giáo dục, tạo môi trường ổn định, vững chắc để sử dụng tiếng Anh trong trường học.

- **Bước 3: Hoàn thiện và nâng cao** – Tiếng Anh được sử dụng một cách tự nhiên, hình thành hệ sinh thái sử dụng tiếng Anh trong môi trường giáo dục, giao tiếp và quản trị nhà trường.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá

Việc xây dựng hệ sinh thái đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường theo ba bước ở trên thực hiện theo bộ tiêu chuẩn sau đây, gồm:

- a) Tiêu chuẩn 1. Môi trường ngôn ngữ và truyền thông nội bộ;
- b) Tiêu chuẩn 2. Chương trình giáo dục và hoạt động dạy học;
- c) Tiêu chuẩn 3. Học liệu, công nghệ và cơ sở vật chất;
- d) Tiêu chuẩn 4. Đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo và người học;
- e) Tiêu chuẩn 5. Hợp tác quốc tế;
- g) Tiêu chuẩn 6. Dịch vụ hỗ trợ và hành chính;
- h) Tiêu chuẩn 7. Nghiên cứu khoa học.

Tùy theo từng cấp học, nhóm ngành học, trình độ đào tạo, các tiêu chuẩn trên được cụ thể hóa bằng các bộ tiêu chí đánh giá ở **Phụ lục 1** của Đề án.

3. Đánh giá và công nhận:

Bộ Giáo dục và Đào tạo đánh giá và công nhận đối với các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp trực thuộc; Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá và công nhận đối với các cơ sở giáo dục ở địa phương theo ba mức độ sau đây:

Mức độ 1: Một cơ sở giáo dục đáp ứng tất cả cả tiêu chí bắt buộc và các tiêu chí phân tầng theo cấp học, ngành học ở Mức độ 1 thì được cấp danh hiệu “*Cơ sở giáo dục đạt chuẩn đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai Mức độ 1*”.

Mức độ 2: Một cơ sở giáo dục đáp ứng tất cả cả tiêu chí bắt buộc và các tiêu chí phân tầng theo cấp học, ngành học ở Mức độ 2 thì được cấp danh hiệu “*Cơ sở giáo dục đạt chuẩn đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai Mức độ 2*”.

Mức độ 3: Một cơ sở giáo dục đáp ứng tất cả cả tiêu chí bắt buộc và các tiêu chí phân tầng theo cấp học, ngành học ở Mức độ 3 thì được cấp danh hiệu “*Cơ sở giáo dục đạt chuẩn đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai Mức độ 3*”.

Việc đánh giá và công nhận được đưa vào quy định kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và công nhận trường Chuẩn quốc gia.

IV. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tiếng Anh được sử dụng rộng rãi, thường xuyên, tự nhiên trong dạy học, giao tiếp và các hoạt động khác của nhà trường, hình thành hệ sinh thái sử dụng tiếng Anh trong hầu hết các cơ sở giáo dục từ đó nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh, dạy và học bằng tiếng Anh để góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và xây dựng thể hệ công dân toàn cầu.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đối với giáo dục mầm non (GDMN)

Đến năm 2030:

- Ban hành chương trình, tài liệu, học liệu dành cho trẻ em mẫu giáo triển khai tiếng Anh bắt buộc đối với các cơ sở GDMN;

- Ban hành quy định về vị trí việc làm đối với giáo viên tiếng Anh trong các cơ sở GDMN.

- 100% số cơ sở GDMN tại các thành phố, đô thị vùng thuận lợi (đô thị loại 1 theo quy định của cấp có thẩm quyền) bảo đảm điều kiện triển khai đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai ở Mức độ 1; có 10% cơ sở giáo dục mầm non đạt Mức độ 1.

Đến năm 2035:

80% số cơ sở GDMN bảo đảm điều kiện triển khai đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai đạt Mức độ 1; 100% số cơ sở GDMN vùng thuận lợi bảo đảm điều kiện triển khai đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai cho trẻ em mẫu giáo; 30% số cơ sở GDMN trên cả nước đạt Mức độ 1, có ít nhất 10% số cơ sở GDMN đạt Mức độ 2.

Đến năm 2040:

- 90% số cơ sở GDMN bảo đảm điều kiện triển khai đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai cho trẻ em đối với trẻ em mẫu giáo.

- 40% số cơ sở GDMN trên cả nước đạt Mức độ 1, ít nhất 15% số cơ sở GDMN đạt Mức độ 2 và 5% số cơ sở GDMN đạt Mức độ 3.

Đến năm 2045:

- 100% số cơ sở GDMN trên toàn quốc bảo đảm điều kiện triển khai đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai cho trẻ em mẫu giáo.

- 50% số cơ sở GDMN trên cả nước đạt Mức độ 1, ít nhất 20% số cơ sở GDMN đạt Mức độ 2 và 10% số cơ sở GDMN đạt Mức độ 3.

b) Đối với giáo dục phổ thông (GDPT)

Đến năm 2030:

- Bảo đảm điều kiện triển khai thực hiện môn tiếng Anh trong Chương trình GDPT 2018 bắt buộc cho học sinh từ lớp 1 trong các cơ sở GDPT.

- Ban hành chương trình dạy tích hợp một số môn học bằng tiếng Anh và tài liệu hướng dẫn triển khai dạy học một số môn học bằng tiếng Anh các cấp học GDPT.

- Ban hành khung đánh giá chất lượng các cơ sở GDPT triển khai đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai ở các cấp học GDPT (tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông).

- 20% số cơ sở GDPT trên cả nước đạt Mức độ 1, ít nhất 5% số cơ sở GDPT đạt Mức độ 2 và 2% số cơ sở GDPT đạt Mức độ 3.

Đến năm 2035:

30% số cơ sở GDPT trên cả nước đạt Mức độ 1, ít nhất 10% số cơ sở GDPT đạt Mức độ 2 và 5% số cơ sở GDPT đạt Mức độ 3.

Đến năm 2040:

40% số cơ sở GDPT trên cả nước đạt Mức độ 1, ít nhất 15% số cơ sở GDPT đạt Mức độ 2 và 10% số cơ sở GDPT đạt Mức độ 3.

Đến năm 2045:

50% số cơ sở GDPT trên cả nước đạt Mức độ 1, ít nhất 20% số cơ sở GDPT đạt Mức độ 2 và 15% số cơ sở GDPT đạt Mức độ 3.

c) Đối với giáo dục đại học (GDĐH)

Đến năm 2030:

Ít nhất 20% số cơ sở GDĐH trên cả nước (ngoại trừ các cơ sở dùng ngoại ngữ khác tiếng Anh trong đào tạo) đạt Mức độ 1, 5% số cơ sở GDĐH đạt Mức độ 2 và 3% số cơ sở GDĐH đạt Mức độ 3.

Đến năm 2035:

Ít nhất 30% số cơ sở GDĐH trên cả nước (ngoại trừ các cơ sở dùng ngoại ngữ khác tiếng Anh trong đào tạo) đạt Mức độ 1, 20% số cơ sở GDĐH đạt Mức độ 2 và 5% số cơ sở GDĐH đạt Mức độ 3.

Đến năm 2040:

Ít nhất 40% số cơ sở GDĐH trên cả nước (ngoại trừ các cơ sở dùng ngoại ngữ khác tiếng Anh trong đào tạo) đạt Mức độ 1, 35% số cơ sở GDĐH đạt Mức độ 2 và 15% số cơ sở GDĐH đạt Mức độ 3.

Đến năm 2045:

Ít nhất 80% số cơ sở GDĐH trên cả nước (ngoại trừ các cơ sở dùng ngoại ngữ khác tiếng Anh trong đào tạo) đạt Mức độ 1, ít nhất 50% số cơ sở GDĐH đạt Mức độ 2 và 25% số cơ sở GDĐH đạt Mức độ 3.

d) Đối với giáo dục nghề nghiệp (GDNN)

- Bảo đảm điều kiện triển khai thực hiện môn tiếng Anh trong Chương trình GDNN-GDTX bắt buộc cho học sinh trong các cơ sở GDTX.
- Ban hành khung năng lực cho người học theo nhóm ngành, nghề.
- Ban hành khung chương trình theo nhóm ngành, nghề.
- Ban hành tài liệu tiếng Anh theo nhóm ngành, nghề.

Đến năm 2030:

15% cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong cả nước đạt Mức độ 1, phần đầu có ít nhất 5% số cơ sở đạt Mức độ 2.

Đến năm 2035:

40% cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong cả nước đạt Mức độ 1, phần đầu có ít nhất 10% số cơ sở đạt Mức độ 2 và 5% số cơ sở đạt Mức độ 3.

Đến năm 2040:

50% cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong cả nước đạt Mức độ 1, phần đầu có ít nhất 15% số cơ sở đạt Mức độ 2 và 10% số cơ sở đạt Mức độ 3.

Đến năm 2045:

60% cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong cả nước đạt Mức độ 1, phần đầu có ít nhất 20% số cơ sở đạt Mức độ 2 và 15% số cơ sở đạt Mức độ 3.

e) Đối với giáo dục thường xuyên (GDTX)

Đến năm 2030:

- Xây dựng tài nguyên kho học liệu mở và các khóa học mở phục vụ người học của GDTX.

- Có 20% số cơ sở GDTX (có đào tạo, bồi dưỡng Tiếng Anh và bồi dưỡng các môn học khác bằng tiếng Anh) trên cả nước đạt Mức độ 1, phần đầu có ít nhất 5% số cơ sở đạt Mức độ 2.

Đến năm 2035:

40% số cơ sở GDTX (có đào tạo, bồi dưỡng Tiếng Anh và bồi dưỡng các môn học khác bằng tiếng Anh) trên cả nước đạt Mức độ 1, phần đầu có ít nhất 10% số cơ sở đạt Mức độ 2 và 5% số cơ sở đạt Mức độ 3.

Đến năm 2040:

50% số cơ sở GDTX (có đào tạo, bồi dưỡng Tiếng Anh và bồi dưỡng các môn học khác bằng tiếng Anh) trên cả nước đạt Mức độ 1, phần đầu có ít nhất 15% số cơ sở đạt Mức độ 2 và 10% số cơ sở đạt Mức độ 3.

Đến năm 2045:

60% số cơ sở GDTX (có đào tạo, bồi dưỡng Tiếng Anh và bồi dưỡng bằng tiếng Anh) trên cả nước đạt Mức độ 1, phần đầu có ít nhất 20% số cơ sở đạt Mức độ 2 và 15% số cơ sở đạt Mức độ 3.

V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức xã hội về vai trò của tiếng Anh trong giáo dục và hội nhập

a) Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức của cộng đồng về vai trò của tiếng Anh trong giáo dục và hội nhập toàn cầu. Xây dựng kế hoạch truyền thông tổng thể, phù hợp với từng đối tượng (người học, cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ học sinh, cộng đồng) đồng thời bám sát tiến độ và các giai đoạn triển khai của Đề án.

b) Triển khai các hoạt động thông tin, truyền thông đồng bộ và sâu rộng về mục tiêu, nội dung và ý nghĩa của Đề án để giúp toàn xã hội, đặc biệt là phụ huynh, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và học sinh, sinh viên, cán bộ quản lý các cấp hiểu đúng, hiểu đủ, ủng hộ và chủ động tích cực tham gia quá trình đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

c) Đẩy mạnh ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng, từ truyền thông đại chúng (báo chí, truyền hình), truyền thông số (mạng xã hội, nền tảng học tập trực tuyến) đến các hình thức truyền thông nội bộ trong trường học, truyền thông tương tác tại cộng đồng.

d) Gắn kết hoạt động truyền thông với xây dựng, lan tỏa các mô hình điển hình, câu chuyện truyền cảm hứng, tạo động lực học tập và sử dụng tiếng Anh một cách tự nhiên, tự nguyện và chủ động.

2. Nghiên cứu và hoàn thiện thể chế

a) Rà soát, nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý liên quan đến chương trình, sách giáo khoa, học liệu, tổ chức hoạt động nhà trường, phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên tiếng Anh; bổ sung các quy định để đồng bộ, thúc đẩy xã hội hoá, hội nhập quốc tế, hiện đại hóa môi trường dạy và học tiếng Anh, dạy và học bằng tiếng Anh trong toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân.

b) Thiết lập cơ chế giám sát, đánh giá và cập nhật chính sách theo định kỳ, kịp thời điều chỉnh các quy định, tiêu chuẩn, tiêu chí cho phù hợp với thực tiễn triển khai và xu hướng giáo dục quốc tế; rà soát, nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các quy định về việc đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, bảo đảm tính thống nhất, liên thông, khả thi trong tổ chức dạy và học tiếng Anh, dạy và học bằng tiếng Anh trong tất cả các cấp học, ngành học, ngành nghề đào tạo.

c) Rà soát định mức lao động cho giảng viên, giáo viên dạy tiếng Anh; nghiên cứu xây dựng định mức lao động cho giảng viên, giáo viên dạy các môn bằng tiếng Anh, đào tạo sinh viên sư phạm dạy các môn học khác bằng tiếng Anh. Có cơ chế phát hiện, đãi ngộ đối với học sinh, sinh viên có năng lực tiếng Anh nổi trội; có chính sách thu hút sinh viên giỏi tiếng Anh mới tốt nghiệp và hỗ trợ giáo viên tiếng Anh đến công tác tại khu vực khó khăn. Nghiên cứu cơ chế, chính sách cho người nước ngoài tham gia dạy học tại các cơ sở giáo dục công lập.

d) Xây dựng quy định về điều kiện, kiểm định chất lượng các trung tâm ngoại ngữ, trung tâm cung cấp các hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh để nâng cao chất lượng của các trung tâm này trong các hoạt động phối hợp với các cơ sở giáo dục.

3. Phát triển đội ngũ và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên dạy tiếng Anh và dạy bằng tiếng Anh, bảo đảm đủ về số lượng, đồng bộ về chất lượng

a) Khảo sát và đánh giá năng lực tiếng Anh cho giáo viên, giảng viên dạy tiếng Anh và dạy các môn học bằng tiếng Anh ở các cấp học, ngành học và trình độ đào tạo. Trên cơ sở đó, xây dựng, hoàn thiện và ban hành khung năng lực phù hợp cho từng đối tượng, làm cơ sở định hướng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.

b) Phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên có trình độ chuyên môn và năng lực tiếng Anh đạt chuẩn, đáp ứng nhu cầu vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bảo đảm phù hợp với định hướng triển khai đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai. Tổ chức các chương trình bồi dưỡng về năng lực ngôn ngữ, năng lực sư phạm song ngữ, năng lực dạy học tích hợp (CLIL) và kỹ năng ứng dụng công nghệ cho giáo viên, giảng viên dạy học bằng tiếng Anh; bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, bảo đảm cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng thích ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục.

c) Nâng cao và chuẩn hóa năng lực cho các cơ sở đào tạo giáo viên, giảng viên dạy tiếng Anh và các môn học bằng tiếng Anh; thúc đẩy xây dựng mô hình liên kết giữa các trường đại học sư phạm, đại học chuyên ngữ với các cơ sở giáo dục phổ thông; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên trong công tác đào tạo và hỗ trợ chuyên môn.

4. Xây dựng và triển khai chương trình, học liệu phục vụ dạy và học tiếng Anh, dạy và học bằng tiếng Anh

a) Khảo sát, phân tích nhu cầu, điều kiện triển khai và thực trạng sử dụng chương trình, giáo trình, học liệu hiện có ở các cấp học và trình độ đào tạo để làm căn cứ xây dựng hệ thống học liệu phù hợp để đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai.

b) Phát triển hệ thống chương trình, giáo trình, sách giáo khoa, tài liệu, học liệu phục vụ dạy và học tiếng Anh, dạy các môn học, chuyên ngành khác bằng tiếng Anh ở các cấp

học và trình độ đào tạo. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, xây dựng học liệu số và học liệu mở đa dạng, phù hợp với nhiều đối tượng người học.

c) Xây dựng và phát triển hệ thống học liệu trực tuyến mở, tăng cường ứng dụng công nghệ, đào tạo trực tuyến ở quy mô quốc gia, bảo đảm người học ở mọi vùng miền, mọi điều kiện đều có thể tiếp cận miễn phí hoặc với chi phí hợp lý các chương trình, môn học và chuyên ngành bằng tiếng Anh chất lượng cao.

d) Triển khai thí điểm, tổng kết, đánh giá, hoàn thiện các chương trình, hệ thống học liệu trước khi triển khai diện rộng. Bảo đảm tính thống nhất, liên thông giữa các cấp học, loại hình đào tạo và khả năng đồng bộ với chuẩn quốc tế.

5. Đổi mới phương pháp dạy học, phương thức thi, kiểm tra, đánh giá nhằm thúc đẩy môi trường tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, tiếp cận chuẩn quốc tế và phát triển năng lực khảo thí quốc gia

a) Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học tiếng Anh; tổ chức dạy học đủ 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết, trong đó ưu tiên phát triển kỹ năng nghe và nói; đa dạng hóa các hình thức dạy và học bao gồm cả ở trong và ngoài lớp học; tạo môi trường sử dụng và thể hiện bằng tiếng Anh tối đa cho người học; tăng cường các hoạt động trải nghiệm, giao lưu, phát triển văn hóa đọc bằng tiếng Anh; tăng cường các lớp song ngữ, lớp tăng cường tiếng Anh và dạy học bằng tiếng Anh theo năng lực, sở trường của người học.

b) Tiếp tục đổi mới phương thức thi, kiểm tra, đánh giá. Thiết kế hệ thống đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với bối cảnh học tập tiếng Anh và bằng tiếng Anh trong nhà trường. Coi hoạt động kiểm tra, đánh giá không chỉ là công cụ đo lường, mà còn là giải pháp định hướng, dẫn dắt, thúc đẩy việc dạy và học tiếng Anh một cách tự nhiên, thực tiễn, gắn với môi trường sử dụng thực chất.

c) Xây dựng quy trình và công cụ đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ cho giáo dục mầm non và phổ thông; tập trung vào đánh giá năng lực ngôn ngữ tích hợp, năng lực sử dụng ngôn ngữ trong tình huống thực tiễn và liên môn.

d) Xây dựng hệ thống đánh giá năng lực tiếng Anh trong giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên theo chuẩn đầu ra một cách đồng bộ, liên thông, tiệm cận với chuẩn đánh giá theo năng lực của quốc tế.

e) Xây dựng và hoàn thiện các công cụ đánh giá chuẩn hóa xây dựng môi trường tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai, bao gồm: ngân hàng đề thi, ngân hàng câu hỏi thi trực tuyến, công cụ đánh giá trên nền tảng số, đánh giá theo năng lực (performance-based assessment), đánh giá qua dự án (project-based), đánh giá qua hồ sơ học tập (portfolio), v.v...

g) Bồi dưỡng đội ngũ chuyên trách về khảo thí và phát triển các trung tâm tổ chức thi năng lực ngoại ngữ hiện đại, chuyên nghiệp.

6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, trí tuệ nhân tạo (AI), tăng cường điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm chất lượng cho dạy và học tiếng Anh, dạy và học bằng tiếng Anh, ưu tiên cho khu vực khó khăn và đặc biệt khó khăn

a) Đầu tư phát triển các nền tảng học tập số ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) có khả năng phân tích trình độ, nhu cầu và phong cách học của từng người học, từ đó cung cấp các lộ trình học tiếng Anh cá nhân hóa, phù hợp và hiệu quả.

b) Tăng cường trang thiết bị dạy học, hạ tầng công nghệ thông tin và điều kiện vật chất phục vụ tổ chức dạy và học tiếng Anh, dạy và học bằng tiếng Anh trong nhà trường; ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ giải quyết tình trạng thiếu giáo viên, học liệu hoặc các điều kiện trang thiết bị khác; ưu tiên đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin cho các khu vực khó khăn và đặc biệt khó khăn.

c) Thiết lập cơ chế khuyến khích hợp tác giữa ngành giáo dục và các tổ chức công nghệ, các doanh nghiệp giáo dục số nhằm cung cấp công cụ học tập, học liệu số và dịch vụ công nghệ với chi phí hợp lý. Đồng thời, tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý về năng lực sử dụng công nghệ trong dạy và học tiếng Anh theo hướng hiện đại, tích hợp và sáng tạo.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế, đẩy mạnh xã hội hoá và hợp tác công – tư trong nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh

a) Tăng cường hợp tác quốc tế trên nhiều phương diện:

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục mở rộng, đa dạng hóa các hình thức hợp tác với tổ chức, cá nhân quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, đưa học sinh, sinh viên học tập ở nước ngoài; xây dựng học liệu, tổ chức đánh giá và triển khai mô hình trường học thành công trong đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai.

- Đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức hoặc ngôn ngữ thứ hai nhằm chia sẻ kinh nghiệm, khai thác nguồn lực và thúc đẩy chuyển giao công nghệ trong dạy và học tiếng Anh.

- Thúc đẩy việc ký kết các thỏa thuận hợp tác, liên kết giáo dục giữa các cơ sở giáo dục Việt Nam và các cơ sở giáo dục nước ngoài, các đối tác nước ngoài về lĩnh vực giáo dục hoặc công nghệ giáo dục để nâng cao chất lượng việc dạy và học tiếng Anh và dạy và học bằng tiếng Anh trên nhiều hình thức khác nhau.

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục tham gia các mạng lưới giáo dục quốc tế có uy tín; các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp tham gia hình thức trường kết nghĩa với các đối tác có chất lượng để thúc đẩy giao lưu, trao đổi học sinh, giáo viên theo kỳ học mùa hè hoặc theo kỳ thực tập (nếu có).

- Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong nhà trường tạo điều kiện cho các giáo viên, cán bộ quản lý tham dự các khóa tập huấn bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ bằng tiếng Anh hoặc nâng cao trình độ tiếng Anh theo các chương trình, dự án của bộ, ngành, địa phương.

b) Đẩy mạnh xã hội hóa và hợp tác công - tư:

- Xây dựng cơ chế để huy động các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư, hỗ trợ, cung cấp dịch vụ và công cụ học tiếng Anh chất lượng cao, đặc biệt là các giải pháp ứng dụng công nghệ tiên tiến; kiểm soát chất lượng, đồng thời ghi nhận và phát huy vai trò của các tổ chức, cơ sở giáo dục ngoài công lập có đóng góp tích cực trong triển khai Đề án.

- Phát huy cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục trong việc lựa chọn mô hình, giải pháp nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh phù hợp với điều kiện cụ thể.

8. Phát động phong trào thi đua, khen thưởng thiết thực, hiệu quả, làm động lực thúc đẩy triển khai Đề án trên toàn quốc

a) Phát động phong trào thi đua, khen thưởng thiết thực, công bằng và kịp thời, kết hợp giữa hình thức khen thưởng tinh thần và vật chất; khuyến khích động viên các sáng kiến tiên phong, đặc biệt ở các địa bàn khó khăn hoặc nhóm đối tượng yếu thế.

b) Lồng ghép hoạt động thi đua, khen thưởng vào các sự kiện học thuật, hội nghị tổng kết, diễn đàn trao đổi kinh nghiệm, tạo cơ hội lan tỏa các mô hình hay, cách làm sáng tạo; hình thành hệ thống “các điển hình tiêu biểu” để truyền thông, học tập và nhân rộng.

b) Tổ chức đánh giá, tổng kết và công bố kết quả thi đua, khen thưởng định kỳ hàng năm và theo từng giai đoạn của Đề án; công khai hóa kết quả trên các kênh truyền thông chính thống và nền tảng số nhằm lan tỏa giá trị, tạo động lực thi đua bền vững.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

Kinh phí thực hiện đề án được đảm bảo từ các nguồn sau:

1. Ngân sách Trung ương:

Thực hiện các nhiệm vụ chỉ đạo, quản lý, xây dựng văn bản hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Đề án; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên cốt cán các cấp học; xây dựng chương trình, giáo trình, sách giáo khoa nâng cao năng lực chuyên môn; đổi mới thi cử, kiểm tra đánh giá, xây dựng ngân hàng đề thi; xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh, truyền thông và các hoạt động thực hiện đề án khác.

2. Ngân sách địa phương:

Tập trung thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục tại địa phương, tăng cường điều kiện dạy và học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh cho các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn, triển khai áp dụng các hoạt động thực hiện đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp dạy và học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh, tài liệu, học liệu, đầu tư cơ sở phòng học tiếng Anh, trang thiết bị, học liệu, phần mềm, tài liệu học tiếng Anh.

3. Nguồn thu của các cơ sở giáo dục và đào tạo:

Tập trung thực hiện các nhiệm vụ xây dựng môi trường dạy và học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh, triển khai các hoạt động trong khuôn khổ Đề án theo chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục đào tạo, thực hiện hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ tiếng Anh, tăng cường năng lực quản lý cho người lao động tại cơ sở giáo dục đào tạo và các nhiệm vụ khác của Đề án.

4. Nguồn thu khác:

Tập trung thực hiện những hoạt động đáp ứng nhu cầu dạy và học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh trong nhà trường.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì triển khai thực hiện Đề án, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan và địa phương chỉ đạo, hướng dẫn, xây dựng, cụ thể hoá những nội dung của Đề án thành các chương trình, kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện, hướng dẫn tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Đề án.

- Thực hiện các nhiệm vụ có tính chất toàn ngành và các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc triển khai Đề án.

- Tổng hợp nhu cầu kinh phí để thực hiện Đề án từ các bộ, ngành, cơ quan liên quan và địa phương, gửi Bộ Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí, cơ chế tài chính thực hiện Đề án.

- Chủ trì nghiên cứu, hướng dẫn, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản sửa đổi, bổ sung các quy định về cơ chế, chính sách tuyển dụng, sử dụng định mức biên chế giáo viên, giảng viên tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh phù hợp trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Chủ trì việc xây dựng, điều chỉnh và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo chuyên môn có liên quan để triển khai hiệu quả Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức giám sát, kiểm tra, thường xuyên đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Đề án, định kỳ sơ kết, tổng kết báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, xây dựng và ban hành nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí, cơ chế tài chính thực hiện Đề án.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các địa phương có liên quan để thẩm định, trình các cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Đề án; phân bổ kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ và địa phương tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát thực hiện Đề án.

3. Bộ Nội vụ

Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các quy định về cơ chế, chính sách tuyển dụng, sử dụng định mức biên chế giáo viên, giảng viên tiếng Anh, dạy bằng tiếng Anh phù hợp trong hệ thống giáo dục quốc dân.

4. Các bộ, cơ quan liên quan

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Đề án tại các cơ sở giáo dục và đào tạo trực thuộc, phù hợp với lộ trình, kế hoạch triển khai chung trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định pháp luật hiện hành.

- Tổ chức giám sát, kiểm tra, thường xuyên đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Đề án tại các cơ sở giáo dục và đào tạo trực thuộc; phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Các tổ chức liên quan

Hội Khuyến học Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Phụ nữ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp liên quan khác có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Đề án trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định pháp luật hiện hành.

6. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Xây dựng chương trình, đề án cấp tỉnh cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Đề án để chỉ đạo, triển khai thực hiện ở địa phương. Hằng năm, căn cứ nhu cầu và kế hoạch triển khai Đề án, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm bảo đảm bố trí ngân sách thực hiện Đề án theo kế hoạch triển khai và đúng quy định hiện hành để triển khai các nhiệm vụ tại địa phương.

- Thực thi đầy đủ và có hiệu quả các quy định về khuyến khích xã hội hóa trong đầu tư dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh; có chính sách ưu đãi, đề xuất điều chỉnh thủ tục để các nhà đầu tư có điều kiện tham gia phát triển dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh trên địa bàn. Tổ chức tuyên truyền các cơ chế, chính sách liên quan đến xã hội hóa dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh, biểu dương khen thưởng các doanh nghiệp, nhà đầu tư về thành tích thực hiện xã hội hóa.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện Đề án tại địa phương, định kỳ báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hằng năm tổ chức sơ kết, đánh giá và báo cáo Chính phủ (qua Bộ Giáo dục và Đào tạo) về việc triển khai Đề án.

PHỤ LỤC 1**BỘ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐƯA TIẾNG ANH
THÀNH NGÔN NGỮ THỨ HAI TRONG NHÀ TRƯỜNG****Mục 1. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ ĐƯA TIẾNG ANH THÀNH NGÔN NGỮ THỨ HAI
TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON****I. Tiêu chuẩn 1: Môi trường ngôn ngữ và truyền thông nội bộ****1. Tiêu chí bắt buộc**

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
1	Biển tường, bảng hiệu, bảng thông báo, công thông tin điện tử (website)	Phải có song ngữ tiếng Việt – tiếng Anh trong tất cả nội dung hiển thị chính thức của nhà trường.
2	Tài liệu chính thức của trường	Các văn bản thông báo, kế hoạch năm học, hướng dẫn cho học sinh/giáo viên cần có phiên bản tiếng Anh đối với chương trình giáo dục mầm non quốc tế và/hoặc chương trình giáo dục mầm non của Việt Nam được giảng dạy bằng tiếng Anh.

2. Tiêu chí phân tầng

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tỷ lệ sử dụng tiếng Anh trong các bảng hiệu, kênh thông tin, hệ thống quản trị, truyền thông của nhà trường	≥ 25%	≥ 50%	≥ 75%
Hoạt động ngoại khóa tổ chức bằng tiếng Anh	≥ 3 hoạt động/năm	≥ 5 hoạt động/năm	≥ 8 hoạt động/năm
Tỷ lệ dịch vụ hỗ trợ được cung cấp bằng tiếng Anh	≥ 25%	≥ 50%	≥ 75%

II. Tiêu chuẩn 2: Chương trình giáo dục và hoạt động dạy học**1. Tiêu chí bắt buộc**

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
1	Môn học/hoạt động giáo dục	Phải có ít nhất một môn học/hoạt động giáo dục được giảng dạy bằng song ngữ: tiếng mẹ đẻ -tiếng Anh (sau đây gọi chung là song ngữ).
2	Sinh hoạt tổ chuyên môn tiếng Anh và các hoạt động giáo dục được giảng dạy song ngữ	Phải tổ chức sinh hoạt chuyên môn giữa giáo viên tiếng Anh và giáo viên dạy các hoạt động giáo dục khác bằng song ngữ.

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
3	Xây dựng kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục của nhà trường	Phải có kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục của nhà trường được biên soạn bằng song ngữ.

2. Tiêu chí phân tầng

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tỷ lệ số hoạt động giáo dục song ngữ/tổng số hoạt động giáo dục theo kế hoạch giáo dục của nhà trường	≥ 20%	≥ 50%	≥ 75%
Mức độ lồng ghép tiếng Anh trong kế hoạch giáo dục của giáo viên và kế hoạch giáo dục của nhà trường.	≥ 25%	≥ 50%	≥ 75%
Mức độ tích hợp tiếng Anh trong kế hoạch bài dạy, hoạt động giáo dục trải nghiệm, liên môn	≥ 25%	≥ 50%	≥ 75%
Tính nhất quán giữa kế hoạch dạy học và mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ	≥ 25%	≥ 50%	≥ 75%

III. Tiêu chuẩn 3. Học liệu, công nghệ và cơ sở vật chất

1. Tiêu chí bắt buộc

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
1	Học liệu, tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh được sử dụng trong dạy và học	Thư viện phải được trang bị các đầu sách học tiếng Anh và băng tiếng Anh song ngữ.
2	Nền tảng số	Phải có hệ sinh thái số nội bộ hỗ trợ việc học tiếng Anh hoặc các hoạt động giáo dục, hỗ trợ cha mẹ bằng tiếng Anh (website, thư viện số, kênh Youtube, ...)
3	Có cơ sở vật chất	Được đánh giá đạt chuẩn Mức độ tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

2. Tiêu chí phân tầng

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tỷ lệ học liệu, tài nguyên số, tài liệu tham khảo bằng song ngữ được sử dụng trong dạy và học	≥ 20%	≥ 50%	≥ 75%

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tỷ lệ học sinh truy cập nền tảng số bằng song ngữ	$\geq 25\%$	$\geq 50\%$	$\geq 75\%$
Tỷ lệ cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ việc học tiếng Anh và học bằng song ngữ	$\geq 25\%$	$\geq 50\%$	$\geq 75\%$

IV. Đội ngũ nhà giáo và người học

1. Tiêu chí bắt buộc

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
1	Giáo viên dạy song ngữ	Phải có đủ định biên giáo viên dạy tiếng Anh được tuyển dụng chính thức theo quy định của Bộ GDĐT phụ trách dạy học tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai
2	Giáo viên tổ chức hoạt động giáo dục bằng song ngữ	Phải có đủ định biên giáo viên dạy môn học, hoạt động giáo dục bằng song ngữ được tuyển dụng chính thức theo quy định của Bộ GDĐT phụ trách dạy học môn học, hoạt động giáo dục bằng song ngữ.
3	Trẻ em	Phải có ít nhất ít nhất một hoạt động giáo dục bằng song ngữ

2. Tiêu chí phân tầng

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tỷ lệ Giáo viên dạy song ngữ đạt trình độ Bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương, có bằng cao đẳng trở lên chuyên ngành ngôn ngữ tiếng Anh hoặc bằng cấp được công nhận tương đương và, hoặc có chứng nhận được phép làm giám khảo các kì thi cấp chứng chỉ IELTS, TOEFL...	$\geq 20\%$	$\geq 50\%$	$\geq 75\%$
Tỷ lệ học sinh đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh theo cấp học.	$\geq 50\%$	$\geq 60\%$	$\geq 80\%$

V. Hợp tác quốc tế

1. Tiêu chí bắt buộc

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
1	Hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật, văn hóa, thể thao	Phải tổ chức ít nhất 01 (một) hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật, văn hóa, thể thao bất kì trong 01 (một) năm học
2	Chương trình hợp tác quốc tế bằng tiếng Anh	Có kí kết ít nhất 01 thỏa thuận hợp tác quốc tế bằng tiếng Anh

2. Tiêu chí phân tầng

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Số lượng tổ chức các Hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật, văn hóa, thể thao	≥ 01 hoạt động trong 01 (một) năm học	≥ 03 hoạt động trong 01 (một) năm học	≥ 05 hoạt động trong 01 (một) năm học
Số lượng đón đoàn học sinh, giáo viên nước ngoài có sử dụng tiếng Anh	≥ 01 đoàn	≥ 03 đoàn	≥ 05 đoàn
Mức độ tham gia của giáo viên trong các hoạt động nghiên cứu, khoa học công nghệ, công bố học thuật bằng tiếng Anh	≥ 5%	≥ 10%	≥ 15%

Formatted Table

VI. Dịch vụ hỗ trợ và hành chính

1. Tiêu chí bắt buộc

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
1	Công tác hành chính	Có dịch vụ xác nhận hồ sơ của học sinh, giáo viên bằng tiếng Anh

2. Tiêu chí phân tầng

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tỷ lệ dịch vụ hỗ trợ hành chính bằng tiếng Anh	≥ 25%	≥ 50%	≥ 75%

Mục 2. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ ĐƯA TIẾNG ANH THÀNH NGÔN NGỮ THỨ HAI TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

I. Tiêu chuẩn 1: Môi trường ngôn ngữ và truyền thông nội bộ

1. Tiêu chí bắt buộc

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
1	Biển tường, bảng hiệu, bảng thông báo, cổng thông tin điện tử (website)	Phải có song ngữ tiếng Việt – tiếng Anh trong tất cả nội dung hiển thị chính thức của nhà trường.
2	Tài liệu chính thức của trường	Các văn bản thông báo, kế hoạch năm học, hướng dẫn cho học sinh/giáo viên cần có phiên bản tiếng Anh đối với chương trình giáo dục phổ thông quốc tế và/hoặc chương trình giáo dục phổ thông của Việt Nam được giảng dạy bằng tiếng Anh.
3	Đội ngũ hỗ trợ học sinh	Có bộ phận hoặc nhân sự có khả năng tư vấn, hỗ trợ học sinh bằng tiếng Anh trong các thủ tục hành chính, học tập, định hướng nghề nghiệp.

2. Tiêu chí phân tầng

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tỷ lệ sử dụng tiếng Anh trong các bảng hiệu, kênh thông tin, hệ thống quản trị, truyền thông của nhà trường	≥ 25%	≥ 50%	≥ 75%
Hoạt động ngoại khóa tổ chức bằng tiếng Anh	≥ 3 hoạt động/năm	≥ 5 hoạt động/năm	≥ 8 hoạt động/năm
Tỷ lệ dịch vụ hỗ trợ được cung cấp bằng tiếng Anh	≥ 25%	≥ 50%	≥ 75%

Formatted Table

II. Tiêu chuẩn 2: Chương trình giáo dục và hoạt động dạy học

1. Tiêu chí bắt buộc

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
1	Môn học/hoạt động giáo dục	Phải có ít nhất một môn học/hoạt động giáo dục được giảng dạy bằng tiếng Anh
2	Sinh hoạt tổ chuyên môn tiếng Anh và các môn học được giảng dạy bằng tiếng Anh	Phải tổ chức sinh hoạt chuyên môn giữa giáo viên tiếng Anh và giáo viên dạy các môn học khác bằng tiếng Anh
3	Xây dựng kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục của nhà trường	Phải có kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục của nhà trường được biên soạn bằng tiếng Anh

2. Tiêu chí phân tầng

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tỷ lệ số tiết học tiếng Anh và bảng tiếng Anh/tổng số tiết theo kế hoạch giáo dục của nhà trường	$\geq 25\%$	$\geq 50\%$	$\geq 75\%$
Mức độ lồng ghép tiếng Anh trong kế hoạch bài dạy của giáo viên và kế hoạch giáo dục của nhà trường.	$\geq 25\%$	$\geq 50\%$	$\geq 75\%$
Mức độ tích hợp tiếng Anh trong kế hoạch bài dạy, hoạt động giáo dục trải nghiệm, liên môn	$\geq 25\%$	$\geq 50\%$	$\geq 75\%$
Tính nhất quán giữa kế hoạch dạy học và mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ	$\geq 25\%$	$\geq 50\%$	$\geq 75\%$

III. Tiêu chuẩn 3. Học liệu, công nghệ và cơ sở vật chất

1. Tiêu chí bắt buộc

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
1	Học liệu, tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh được sử dụng trong dạy và học	Thư viện phải được trang bị các đầu sách học tiếng Anh và bảng tiếng Anh
2	Nền tảng số	Phải có hệ sinh thái số nội bộ hỗ trợ việc học tiếng Anh hoặc các môn học, hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh (website, thư viện số, kênh Youtube, ...)
3	Có cơ sở vật chất	Được đánh giá đạt chuẩn Mức độ tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

2. Tiêu chí phân tầng

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tỷ lệ học liệu, tài nguyên số, tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh được sử dụng trong dạy và học	$\geq 20\%$	$\geq 50\%$	$\geq 75\%$
Tỷ lệ học sinh truy cập nền tảng số bằng tiếng Anh	$\geq 25\%$	$\geq 50\%$	$\geq 75\%$
Tỷ lệ cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ việc học tiếng Anh và học bằng tiếng Anh.	$\geq 25\%$	$\geq 50\%$	$\geq 75\%$

IV. Đội ngũ nhà giáo và người học

1. Tiêu chí bắt buộc

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
1	Giáo viên dạy môn tiếng Anh	Phải có đủ định biên giáo viên dạy tiếng Anh được tuyển dụng chính thức theo quy định của Bộ

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
		GDĐT phụ trách dạy học tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai
2	Giáo viên dạy môn học, hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh	Phải có đủ định biên giáo viên dạy môn học, hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh được tuyển dụng chính thức theo quy định của Bộ GDĐT phụ trách dạy học môn học, hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh
3	Học sinh	Phải có ít nhất 01 lớp theo quy định của Điều lệ trường phổ thông/khối lớp được học tiếng Anh tăng cường và ít nhất một môn học, hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh

2. Tiêu chí phân tầng

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tỷ lệ giáo viên dạy môn tiếng Anh đạt trình độ Bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương, có bằng thạc sĩ chuyên ngành ngôn ngữ tiếng Anh hoặc bằng cấp được công nhận tương đương và, hoặc có chứng nhận được phép làm giám khảo các kì thi cấp chứng chỉ IELTS, TOEFL...	$\geq 20\%$	$\geq 50\%$	$\geq 75\%$
Tỷ lệ học sinh đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh theo cấp học.	$\geq 70\%$	$\geq 90\%$	$= 100\%$
Tỷ lệ học sinh được xác nhận trình độ ngôn ngữ bậc 2 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương đối với cấp tiểu học, bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương đối với cấp THCS và bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương đối với cấp THPT	$\geq 25\%$	$\geq 50\%$	$\geq 75\%$

V. Hợp tác quốc tế

1. Tiêu chí bắt buộc

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
1	Hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật, văn hóa, thể thao	Phải tổ chức ít nhất 01 (một) hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật, văn hóa, thể thao bất kì trong 01 (một) năm học
2	Chương trình hợp tác quốc tế bằng tiếng Anh	Có kí kết ít nhất 01 thỏa thuận hợp tác quốc tế bằng tiếng Anh

2. Tiêu chí phân tầng

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Số lượng tổ chức các Hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật, văn hóa, thể thao	≥ 01 hoạt động trong 01 (một) năm học	≥ 03 hoạt động trong 01 (một) năm học	≥ 05 hoạt động trong 01 (một) năm học
Tỷ lệ học sinh, giáo viên được tham gia trao đổi, học tập tại quốc gia có sử dụng tiếng Anh	$\geq 5\%$	$\geq 10\%$	$\geq 15\%$
Số lượng đoàn học sinh, giáo viên nước ngoài có sử dụng tiếng Anh	≥ 01 đoàn	≥ 03 đoàn	≥ 05 đoàn
Mức độ tham gia của giáo viên và học sinh trong các hoạt động nghiên cứu, khoa học công nghệ, công bố học thuật bằng tiếng Anh	$\geq 5\%$	$\geq 10\%$	$\geq 15\%$

VI. Dịch vụ hỗ trợ và hành chính

1. Tiêu chí bắt buộc

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
1	Dịch vụ tư vấn, hướng nghiệp	Có dịch vụ tư vấn, hướng nghiệp bằng tiếng Anh
2	Công tác hành chính	Có dịch vụ xác nhận hồ sơ của học sinh, giáo viên bằng tiếng Anh

2. Tiêu chí phân tầng

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tỷ lệ dịch vụ hỗ trợ tư vấn, hướng nghiệp bằng tiếng Anh so với tỷ lệ dịch vụ hỗ trợ tư vấn, hướng nghiệp bằng tiếng Việt	$\geq 25\%$	$\geq 50\%$	$\geq 75\%$
Tỷ lệ dịch vụ hỗ trợ hành chính bằng tiếng Anh	$\geq 25\%$	$\geq 50\%$	$\geq 75\%$

Mục 3. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ ĐƯA TIẾNG ANH THÀNH NGÔN NGỮ THỨ HAI TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

I. Tiêu chuẩn 1: Môi trường ngôn ngữ và truyền thông nội bộ

1. Tiêu chí bắt buộc

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
1	Biển tường, bảng hiệu, bảng thông báo, công thông tin điện tử (website)	Phải có song ngữ tiếng Việt – tiếng Anh trong tất cả nội dung hiển thị chính thức của nhà trường.
2	Tài liệu chính thức của trường	Các văn bản thông báo, kế hoạch năm học, hướng dẫn cho sinh viên/giảng viên cần có phiên bản tiếng Anh.

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
3	Đội ngũ hỗ trợ sinh viên	Có bộ phận hoặc nhân sự có khả năng tư vấn, hỗ trợ sinh viên bằng tiếng Anh trong các thủ tục hành chính, học tập, định hướng nghề nghiệp.

2. Tiêu chí phân tầng

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Đội ngũ hỗ trợ sinh viên	≥ 25%	≥ 50%	≥ 75%
Tần suất sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp hằng ngày giữa cán bộ, giảng viên, sinh viên;	≥ 25%	≥ 50%	≥ 75%
Tần suất sử dụng tiếng Anh trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, khi trao đổi học thuật;	≥ 25%	≥ 50%	≥ 75%
Tần suất sử dụng tiếng Anh trong, dạy học, sinh hoạt ngoài giờ và các hoạt động giáo dục khác	≥ 25%	≥ 50%	≥ 75%
Tần suất xuất bản tạp chí khoa học xuất bản bằng tiếng Anh được Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm theo ngành đào tạo hoặc có tạp chí khoa học đạt tiêu chuẩn quốc tế xuất bản bằng Tiếng Anh	≥ 01 kỳ/năm.	≥ 02 kỳ/năm	≥ 04 kỳ/năm
Số lượng tổ chức hội nghị khoa học bằng tiếng Anh, hoặc in ki yếu có ISBN	≥ 01 Hội nghị, ki yếu/năm	≥ 02 Hội nghị, ki yếu/năm	≥ 04 Hội nghị, ki yếu/năm

II. Tiêu chuẩn 2: Chương trình giáo dục và hoạt động dạy học

1. Tiêu chí bắt buộc

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
1	Môn học/hoạt động giáo dục	Phải có ít nhất 01 môn học/hoạt động giáo dục được giảng dạy bằng tiếng Anh
2	Sinh hoạt bộ môn tiếng Anh và các bộ môn chuyên ngành được giảng dạy bằng Tiếng Anh	Phải tổ chức sinh hoạt chuyên môn giữa giảng viên tiếng Anh và giảng viên/giáo viên dạy các môn học khác bằng tiếng Anh
3	Xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo, đề cương chi tiết, và kế hoạch đào tạo của nhà trường	Phải có bản mô tả chương trình đào tạo, đề cương chi tiết và kế hoạch đào tạo của nhà trường được biên soạn bằng tiếng Anh
4	Thiết kế và triển khai hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá bằng tiếng Anh	Có ít nhất 30% các hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá, hoạt động ngoại khoá được thiết kế và triển khai bằng tiếng Anh

2. Tiêu chí phân tầng

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tỷ lệ học phần chuyên ngành học bằng tiếng Anh.	$\geq 25\%$	$\geq 50\%$	$\geq 75\%$
Tỷ lệ hoạt động dạy học của nhà trường (chính khoá, ngoại khoá) được thiết kế và triển khai bằng tiếng Anh	$\geq 25\%$	$\geq 50\%$	$\geq 75\%$
Tỷ lệ chương trình thạc sĩ/tiến sĩ được giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh.	$\geq 50\%$	$\geq 70\%$	$\geq 80\%$
Tỷ lệ môn cơ sở cốt lõi ngành được dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh	$\geq 10\%$	$\geq 20\%$	$\geq 30\%$

III. Tiêu chuẩn 3. Học liệu, công nghệ và cơ sở vật chất

1. Tiêu chí bắt buộc

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
1	Học liệu, tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh được sử dụng trong dạy và học	Thư viện phải được trang bị học liệu học tiếng Anh và bằng tiếng Anh
2	Nền tảng số	Phải có hệ sinh thái số nội bộ hỗ trợ việc học tiếng Anh hoặc các học phần, hoạt động dạy học bằng tiếng Anh (website, thư viện số, kênh Youtube, Fanpage ...)
3	Có cơ sở vật chất	Được đánh giá đạt chuẩn Mức độ tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

2. Tiêu chí phân tầng

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tỷ lệ học liệu, tài nguyên số, tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh được sử dụng trong dạy và học	$\geq 20\%$	$\geq 50\%$	$\geq 75\%$
Tỷ lệ người học truy cập nền tảng số bằng tiếng Anh	$\geq 25\%$	$\geq 50\%$	$\geq 75\%$
Tỷ lệ cơ sở vật chất (phòng học, phòng thu âm, trường quay studio, phòng học tiếng, ...), hệ thống máy móc, trang thiết bị hỗ trợ việc học tiếng Anh và học bằng tiếng Anh.	$\geq 25\%$	$\geq 50\%$	$\geq 75\%$

IV. Đội ngũ nhà giáo và người học

1. Tiêu chí bắt buộc

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
1	Giảng viên dạy chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ tiếng Anh	Phải có đủ định biên được tuyển dụng chính thức theo quy định
2	Giảng viên các ngành/chuyên ngành khác với ngành ngoại ngữ bằng tiếng Anh	Phải có đủ định biên được tuyển dụng chính thức theo quy định
3	Sinh viên tốt nghiệp ngành sư phạm tiếng Anh	Phải đạt trình độ bậc 5/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương

2. Tiêu chí phân tầng

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tỷ lệ giảng viên các ngành/chuyên ngành khác với ngành ngoại ngữ đạt bậc 5/6 năng lực sử dụng tiếng Anh.	≥ 20%	≥ 30%	≥ 50%
Tỷ lệ giảng viên được bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh, năng lực sử dụng tiếng Anh trong giảng dạy chuyên ngành, kỹ năng xây dựng chương trình và phương pháp dạy học chuyên ngành bằng tiếng Anh.	≥ 30%	≥ 50%	≥ 80%
Tỷ lệ sinh viên các chuyên ngành khác với chuyên ngành ngoại ngữ đạt bậc 4/6 năng lực sử dụng tiếng Anh.	≥ 40%	≥ 60%	≥ 80%

V. Hợp tác quốc tế

1. Tiêu chí bắt buộc

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
1	Hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật, văn hóa, thể thao	Phải tổ chức ít nhất 01 (một) hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật, văn hóa, thể thao bất kỳ trong 01 (một) năm học
2	Chương trình hợp tác quốc tế bằng tiếng Anh	Có kí kết ít nhất 01 (một) thỏa thuận hợp tác quốc tế bằng tiếng Anh
3	Chương trình đào tạo giáo viên tiếng Anh	Phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng bởi một cơ quan có thẩm quyền

2. Tiêu chí phân tầng

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Số lượng tổ chức các hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật, văn hóa, thể thao	≥ 01 hoạt động trong	≥ 03 hoạt động trong	≥ 05 hoạt động trong 01 (một) năm học

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
	01 (một) năm học	01 (một) năm học	
Tỷ lệ sinh viên, giảng viên được tham gia trao đổi, học tập tại quốc gia có sử dụng tiếng Anh	$\geq 5\%$	$\geq 10\%$	$\geq 15\%$
Số lượng đón đoàn sinh viên, giảng viên nước ngoài có sử dụng tiếng Anh	≥ 03 đoàn	≥ 05 đoàn	≥ 07 đoàn
Mức độ tham gia của sinh viên, học viên sau đại học, giảng viên trong các hoạt động nghiên cứu, khoa học công nghệ, công bố học thuật bằng tiếng Anh	$\geq 5\%$	$\geq 10\%$	$\geq 15\%$
Tỷ lệ Chương trình đào tạo giáo viên tiếng Anh được kiểm định đạt tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng theo quy định của Bộ GDĐT	$\geq 20\%$	$\geq 40\%$	$\geq 50\%$

VI. Dịch vụ hỗ trợ và hành chính

1. Tiêu chí bắt buộc

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
1	Dịch vụ tư vấn, hướng nghiệp	Có dịch vụ tư vấn, hướng nghiệp bằng tiếng Anh
2	Công tác hành chính	Có dịch vụ xác nhận hồ sơ của giảng viên, sinh viên bằng tiếng Anh

2. Tiêu chí phân tầng

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tỷ lệ dịch vụ hỗ trợ tư vấn, hướng nghiệp bằng tiếng Anh	$\geq 25\%$	$\geq 50\%$	$\geq 75\%$
Tỷ lệ dịch vụ hỗ trợ hành chính bằng tiếng Anh	$\geq 25\%$	$\geq 50\%$	$\geq 75\%$

VII. Nghiên cứu khoa học

1. Tiêu chí bắt buộc

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
1	Nghiên cứu, công bố khoa học bằng tiếng Anh	Có thực hiện việc nghiên cứu, công bố khoa học bằng tiếng Anh
2	Hội thảo, công trình khoa học quốc tế sử dụng tiếng Anh.	Có tổ chức hoặc có thành viên tham gia hội thảo, công trình khoa học quốc tế sử dụng tiếng Anh.
3	Tạp chí khoa học xuất bản bằng tiếng Anh	Có tạp chí khoa học xuất bản bằng tiếng Anh và được Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định khung điểm đánh giá

2. Tiêu chí phân tầng

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tỷ lệ công bố sản phẩm nghiên cứu khoa học bằng tiếng Anh trên tổng công bố nghiên cứu khoa học	$\geq 20\%$	$\geq 50\%$	$\geq 70\%$
Số lượng hội thảo, hội nghị, công bố quốc tế được tham gia hoặc tổ chức trong một năm	≥ 03 lần	≥ 05 lần	≥ 08 lần
Mức điểm tạp chí khoa học xuất bản bằng tiếng Anh	≥ 0.25	≥ 0.5	≥ 0.75

Mục 4. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ ĐƯA TIẾNG ANH THÀNH NGÔN NGỮ THỨ HAI TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

I. Tiêu chuẩn 1: Môi trường ngôn ngữ và truyền thông nội bộ

1. Tiêu chí bắt buộc

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
1	Biển trường, bảng hiệu, bảng thông báo, cổng thông tin điện tử (website)	Phải có song ngữ tiếng Việt – tiếng Anh trong tất cả nội dung hiển thị chính thức của nhà trường.
2	Tài liệu chính thức của trường	Các văn bản thông báo, kế hoạch năm học, hướng dẫn cho học viên/giáo viên cần có phiên bản tiếng Anh đối với chương trình giáo dục phổ thông quốc tế và/ hoặc chương trình giáo dục phổ thông của Việt Nam được giảng dạy bằng tiếng Anh.
3	Đội ngũ hỗ trợ sinh viên	Có bộ phận hoặc nhân sự có khả năng tư vấn, hỗ trợ học sinh bằng tiếng Anh trong các thủ tục hành chính, học tập, định hướng nghề nghiệp.

2. Tiêu chí phân tầng

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tỷ lệ sử dụng tiếng Anh trong các bảng hiệu, kênh thông tin, hệ thống quản trị, truyền thông của nhà trường	$\geq 15\%$	$\geq 35\%$	$\geq 60\%$
Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên có đào tạo nhóm ngành du lịch, khách sạn, nhà hàng,... hoặc đào tạo các ngành, nghề bằng tiếng Anh và các trung tâm ngoại ngữ có hoạt động ngoại khóa tổ chức bằng tiếng Anh	≥ 3 hoạt động/năm	≥ 5 hoạt động/năm	≥ 8 hoạt động/năm
Tỷ lệ dịch vụ hỗ trợ được cung cấp bằng tiếng Anh	$\geq 15\%$	$\geq 35\%$	$\geq 60\%$

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tần suất xuất bản tạp chí khoa học xuất bản bằng tiếng Anh được Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm theo ngành đào tạo hoặc có tạp chí khoa học đạt tiêu chuẩn quốc tế xuất bản bằng tiếng Anh	≥ 01 kỳ/ 02 năm.	≥ 01 kỳ/năm	≥ 02 kỳ/năm
Số lượng tổ chức hội nghị khoa học bằng tiếng Anh, hoặc in kỉ yếu có ISBN	≥ 01 Hội nghị, kỉ yếu/ 02 năm	≥ 01 Hội nghị, kỉ yếu/năm	≥ 02 Hội nghị, kỉ yếu/năm

II. Tiêu chuẩn 2: Chương trình giáo dục và hoạt động dạy học

1. Tiêu chí bắt buộc

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
1	Môn học/hoạt động giáo dục	Phải có ít nhất một môn học/hoạt động giáo dục được giảng dạy bằng tiếng Anh
2	Sinh hoạt tổ chuyên môn tiếng Anh và các môn học được giảng dạy bằng tiếng Anh	Phải tổ chức sinh hoạt chuyên môn giữa giáo viên tiếng Anh và giáo viên dạy các môn học khác bằng tiếng Anh
3	Xây dựng kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục của nhà trường	Phải có kế hoạch bài dạy và kế hoạch giáo dục của nhà trường được biên soạn bằng tiếng Anh

2. Tiêu chí phân tầng

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tỷ lệ học phần chuyên ngành học bằng tiếng Anh.	$\geq 15\%$	$\geq 35\%$	$\geq 60\%$
Tỷ lệ môn cơ sở cốt lõi ngành được dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh	$\geq 5\%$	$\geq 10\%$	$\geq 15\%$

III. Tiêu chuẩn 3. Học liệu, công nghệ và cơ sở vật chất

1. Tiêu chí bắt buộc

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
1	Học liệu, tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh được sử dụng trong dạy và học	Thư viện phải được trang bị các đầu sách học tiếng Anh và bằng tiếng Anh

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
2	Nền tảng số	Phải có hệ sinh thái số nội bộ hỗ trợ việc học tiếng Anh hoặc các môn học, hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh (website, thư viện số, kênh Youtube, ...)
3	Có cơ sở vật chất	Được đánh giá đạt chuẩn Mức độ tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

2. Tiêu chí phân tầng

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tỷ lệ học liệu, tài nguyên số, tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh được sử dụng trong dạy và học	≥ 15%	≥ 35%	≥ 60%
Tỷ lệ học sinh truy cập nền tảng số bằng tiếng Anh	≥ 15%	≥ 35%	≥ 60%
Tỷ lệ cơ sở vật chất và trang thiết bị hỗ trợ việc học tiếng Anh và học bằng tiếng Anh.	≥ 15%	≥ 35%	≥ 60%

IV. Đội ngũ nhà giáo và người học

1. Tiêu chí bắt buộc

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
1	Giảng viên/giáo viên dạy chuyên ngành ngôn ngữ tiếng Anh	Phải có đủ định biên được tuyển dụng chính thức theo quy định
2	Giảng viên/giáo viên các ngành/chuyên ngành khác với ngành ngoại ngữ bằng tiếng Anh	Phải có đủ định biên được tuyển dụng chính thức theo quy định
3	Học viên/sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh	Phải đạt trình độ bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc tương đương

2. Tiêu chí phân tầng

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tỷ lệ giảng viên/giáo viên các ngành/chuyên ngành khác với ngành ngoại ngữ đạt bậc 4/6 năng lực sử dụng tiếng Anh.	≥ 10%	≥ 20%	≥ 30%
Tỷ lệ giảng viên/giáo viên được bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh, năng lực sử dụng tiếng Anh trong giảng dạy chuyên ngành, kỹ	≥ 10%	≥ 20%	≥ 30%

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
năng xây dựng chương trình và phương pháp giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh.			
Tỷ lệ sinh viên/học viên đạt bậc 4/6 năng lực sử dụng tiếng Anh.	≥10%	≥ 15%	≥ 20%

V. Hợp tác quốc tế

1. Tiêu chí bắt buộc

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
1	Hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật, văn hóa, thể thao	Phải tổ chức ít nhất 01 (một) hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật, văn hóa, thể thao bất kì trong 01 (một) năm học
2	Chương trình hợp tác quốc tế bằng tiếng Anh	Có kí kết ít nhất 01 thỏa thuận hợp tác quốc tế bằng tiếng Anh
3	Chương trình đào tạo giáo viên tiếng Anh	Phải được kiểm định đạt chất lượng bởi một cơ quan có thẩm quyền

2. Tiêu chí phân tầng

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Số lượng tổ chức các Hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật, văn hóa, thể thao	≥ 01 hoạt động trong 01 (một) năm học	≥ 03 hoạt động trong 01 (một) năm học	≥ 05 hoạt động trong 01 (một) năm học
Tỷ lệ học sinh, giáo viên được tham gia trao đổi, học tập tại quốc gia có sử dụng tiếng Anh	≥ 5%	≥ 10%	≥ 15%
Số lượng đón đoàn sinh viên, giảng viên nước ngoài có sử dụng tiếng Anh	≥ 01 đoàn	≥ 03 đoàn	≥ 05 đoàn
Mức độ tham gia của sinh viên, giảng viên trong các hoạt động nghiên cứu, khoa học công nghệ, công bố học thuật bằng tiếng Anh	≥ 5%	≥ 10%	≥ 15%
Tỷ lệ Chương trình đào tạo giáo viên tiếng Anh được kiểm định đạt chất lượng theo quy định của Bộ GDĐT	≥ 20%	≥ 40%	≥ 50%

VI. Dịch vụ hỗ trợ và hành chính

1. Tiêu chí bắt buộc

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
1	Dịch vụ tư vấn, hướng nghiệp	Có dịch vụ tư vấn, hướng nghiệp bằng tiếng Anh
2	Công tác hành chính	Có dịch vụ xác nhận hồ sơ của học sinh, giáo viên bằng tiếng Anh

2. Tiêu chí phân tầng

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tỷ lệ dịch vụ hỗ trợ tư vấn, hướng nghiệp bằng tiếng Anh so với tỷ lệ dịch vụ hỗ trợ tư vấn, hướng nghiệp bằng tiếng Việt	≥ 15%	≥ 30%	≥ 60%
Tỷ lệ dịch vụ hỗ trợ hành chính bằng tiếng Anh	≥ 15%	≥ 30%	≥ 60%

VII. Nghiên cứu khoa học

1. Tiêu chí bắt buộc

STT	Tiêu chí	Mô tả yêu cầu
1	Nghiên cứu, công bố khoa học bằng tiếng Anh	Có thực hiện việc Nghiên cứu, công bố khoa học bằng tiếng Anh
2	Hội thảo, công trình khoa học quốc tế.	Có tổ chức hoặc có thành viên tham gia Hội thảo, công trình khoa học quốc tế.

2. Tiêu chí phân tầng

Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên có công bố sản phẩm nghiên cứu khoa học bằng tiếng Anh	≥ 10%	≥ 20%	≥ 30%
Số lượng Hội thảo, công trình khoa học quốc tế được tham gia hoặc tổ chức trong một năm	≥ 01 lần	≥ 02 lần	≥ 03 lần

PHỤ LỤC 2:

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ
THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐƯA TIẾNG ANH THÀNH NGÔN NGỮ THỨ 2 TRONG TRƯỜNG HỌC

[illegible]

1	Quy định chương trình tiếng Anh bắt buộc cho học sinh từ lớp 1, lớp 2 trong các cơ sở giáo dục phổ thông.	Bộ GDĐT	Các bộ, ngành có liên quan	2028	Thông tư	Bộ trưởng Bộ GDĐT	
2	Chương trình dạy tích hợp một số môn học bằng tiếng Anh và tài liệu hướng dẫn triển khai dạy học một số môn học bằng tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục phổ thông.	Bộ GDĐT	Các bộ, ngành có liên quan	2030	Thông tư	Bộ trưởng Bộ GDĐT	
3	Khung đánh giá chất lượng các cơ sở giáo dục phổ thông công nhận các mức độ việc đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường trường học.	Bộ GDĐT	Các bộ, ngành có liên quan	2029	Thông tư	Bộ trưởng Bộ GDĐT	
4	Nghiên cứu xây dựng định mức lao động cho giảng viên, giáo viên dạy tiếng Anh và dạy học các môn bằng tiếng Anh, giảng viên bồi dưỡng, đào tạo sinh viên sư phạm/giáo viên dạy các môn học bằng tiếng Anh.	Bộ GDĐT	Các bộ, ngành có liên quan	2030	Thông tư	Bộ trưởng Bộ GDĐT	
5	Chính sách thu hút sinh viên giỏi mới tốt nghiệp và hỗ trợ giáo viên đến công tác tại các khu vực khó khăn.	Các tỉnh/thành phố	Các bộ, ngành có liên quan	2028	Nghị quyết/Quyết định các tỉnh	UBND tỉnh/thành phố	
6	Quy định về điều kiện, kiểm định chất lượng các trung tâm ngoại ngữ, trung tâm cung cấp các hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh khi tham gia các hoạt động giáo dục phối hợp với các cơ sở giáo dục phổ thông.	Bộ GDĐT	Các bộ, ngành có liên quan	2028	Thông tư	Bộ trưởng Bộ GDĐT	
7	Quy định về định dạng đề thi đánh giá năng lực cho các môn học khác được giảng dạy bằng tiếng Anh.	Bộ GDĐT	Các bộ, ngành có liên quan	2030	Thông tư	Bộ trưởng Bộ GDĐT	
III.	Tiểu ban Giáo dục Đại học (đề nghị bổ sung)						

IV.	Tiểu ban Giáo dục Nghề nghiệp-Giáo dục Thường xuyên (đề nghị bổ sung)						
V.	Tiểu ban Cơ sở vật chất, Tài chính (đề nghị bổ sung)						
VI.	Tiểu ban Truyền thông (đề nghị bổ sung)						
